

Bản án số: 87/2020/DSPT

Ngày: 21/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương

Bà Đỗ Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:** Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 và ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trương Đức Tr; Cư trú tại: số nhà 236 đường Diên Hồng, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Phùng Ngọc Q; Cư trú tại: số nhà 206 đường Phan Đình P, TT P, huyện T, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 23/11/2019).

- **Bị đơn:**

1. Bà Trần Bích T; Cư trú tại: số nhà 34/43 đường Trần Thị K, Tp. Q, Bình Định.

**Người đại diện hợp pháp của bà Trần Bích T:** Bà Đỗ Thị Minh H; cư trú tại: số nhà 204/33 đường Trần Quý C, phường Y, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai (theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/8/2020).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Bích Thủy:** Ông Võ Hồng N – Luật sư - Công ty Luật TNHH MTV N - Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; Địa chỉ: số nhà 55 đường Hai Bà Trưng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bà Đỗ Thị Minh H (Đỗ Trúc A)

Cư trú tại: 204/33 Trần Quý C, phường Y, T.p Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn L; Cư trú tại: số nhà 34/43 đường Trần Thị K, phường N, Tp. Q, Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn L:* Bà Đỗ Thị Minh H là bị đơn trong vụ án (hợp đồng ủy quyền ngày 29/8/2020).

2. Ông Trương Đình D

3. Bà Nguyễn Thị Kim Th

Đều cư trú: số nhà 535 đường Nguyễn Thái H, Tp. Q, Bình Định

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim Th:* Ông Trương Đình D (văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019)

4. Ông Trần Phú Q1; Cư trú tại: số nhà 117 đường Phan Đình G, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*Người đại diện hợp pháp của ông Trần Phú Q1:* Bà Đỗ Thị Minh H là bị đơn trong vụ án (hợp đồng ủy quyền ngày 17/9/2020).

5. Bà Trần Thị Mỹ L1; Cư trú tại: số nhà 64 Nguyễn Tất T, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Bích T - Bị đơn; ông Trần Phú Q1 – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Phùng Ngọc Q – Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Anh Trương Đức Tr có cho bà Trần Bích T vay 10.000.000.000 đồng (mười tỷ) với lãi suất 1,5%/tháng. Bà T đã nhận tiền và viết giấy nợ đề ngày 11/6/2018, hẹn 30 ngày sau sẽ hoàn trả đủ cả gốc và lãi nhưng đến nay bà T mới trả được 8.700.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể:

- Ngày 25/6/2018, trả 2.000.000.000 đồng do ông Trương Đình Dũng (cha anh Trung) nhận và đã giao lại cho anh Trung.

- Ngày 6/9/2018, trả 3.200.000.000 đồng do bà Trần Thị Mỹ L1 chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 15/10/2018, trả 3.500.000.000 đồng do bà L1 đưa cho bà Nguyễn Thị Kim Th (mẹ của anh Tr), bà Th đã đưa lại cho anh Tr.

Số nợ gốc còn lại 1.300.000.000 đồng, anh Tr nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán nhưng bà T cố tình chây ỳ, trốn tránh đến nay vẫn chưa trả.

Ngày 22/01/2019, anh Tr khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho anh số tiền 1.300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 11/6/2018 đến ngày

khởi kiện với mức lãi suất 1,5%/tháng với số tiền là 462.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn bà Trần Bích T trình bày:*

Bà công nhận có vay của anh Trương Đức Tr số tiền 10 tỷ đồng và viết giấy mượn tiền đề ngày 11/6/2018, hạn 30 ngày sau sẽ hoàn trả đủ cả gốc và lãi. Trên giấy mượn nợ, ngoài chữ ký của bà còn có chữ ký của bà Đỗ Trúc A (Đỗ Thị Minh H) vì bà A và ông Trần Phú Q1 (chồng bà A) làm ăn chung với bà nhưng chỉ có bà quen biết bà Nguyễn Thị Kim Th (mẹ anh Tr) còn vợ chồng bà Trúc A không quen biết bà Th. Hai bên thỏa thuận lãi suất 7,5%/tháng, việc vay mượn không có tài sản thế chấp. Bà đã trả được 11.300.000.000 đồng, cụ thể các lần trả như sau:

- Ngày 25/6/2018, bà T trả 02 tỷ đồng do ông Trương Đình D (cha anh Tr) nhận.
- Ngày 6/9/2018, trả 3,2 tỷ đồng do ông Trần Phú Q1 chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.
- Ngày 30/7/2018, trả 200 triệu đồng do ông Q1 chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng BIDV Bình Định.
- Ngày 31/7/2018, trả 400 triệu đồng do bà Trúc A chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.
- Ngày 15/10/2018, trả 6,7 tỷ đồng (viết gộp cả lần trả 3,2 tỷ ngày 6/9/2018 do bà L1 chủ khách sạn V chuyển trả tiền đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Kim Th là mẹ của Tr và bà Th viết giấy xác nhận cho ông Q1).
- Ngày 24/6/2018, trả 2 tỷ đồng bằng tiền mặt cho bà Th để lấy lại giấy gốc mượn tiền ngày 24/6/2018.

Ngoài các chứng từ trả tiền nêu trên, bà không còn chứng từ trả tiền nào khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T khai: Ngày 18/6/2018, bà đã trả 3.140.000.000 đồng nên tổng cộng bà đã trả cho anh Tr 12.440.000.000 đồng (ngày 25/6/2018 trả 02 tỷ; ngày 6/9/2018 trả 3,2 tỷ; ngày 30/7/2018 trả 200 triệu, ngày 31/7/2018 trả 400 triệu, ngày 15/10/2018 trả 3,5 tỷ; ngày 18/6/2018 trả 3 tỷ 140 triệu) nên hiện nay bà không còn nợ tiền của anh Tr. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tr.

*Bị đơn bà Đỗ Thị Minh H (Đỗ Trúc A) do ông Trần Đình Kh đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà H thống nhất số tiền trả nợ cho khoản vay 10 tỷ đồng của anh Trương Đức Tr như bà T đã trình bày. Bà T đã trả hết nợ cho anh Tr, trong đó có 10.000.000.000 đồng nợ gốc và 4.440.000.000 đồng lãi nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Tr.

Ngày 26/6/2018, bà H có vay của bà Nguyễn Thị Kim Th (mẹ anh Trương Đức Tr) 300.000.000 đồng. Ngày 30/7/2018, ông Trần Phú Q1 (chồng bà H) chuyển cho anh Tr 200.000.000 đồng nhờ anh Tr trả tiền mua khách sạn V; Ngày 31/7/2018, bà H chuyển cho anh Tr 400.000.000 đồng cũng nhờ anh Tr trả tiền mua khách sạn V. Tuy nhiên, việc mua bán khách sạn không thành

nên các bên thống nhất trừ vào số tiền 400.000.000 đồng mà bà H đã chuyển cho anh Tr để trả khoản nợ 300.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà Th vào ngày 26/6/2018. Số tiền 100.000.000 đồng còn lại cộng với 200.000.000 đồng do ông Q1 chuyển vào ngày 30/7/2018 thành 300.000.000 đồng dùng để trả tiền lãi đối với khoản vay 10 tỷ đồng mà bà T đã vay của anh Tr.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đỗ Thị Minh H không đồng ý lời khai của ông Kh là người đại diện theo ủy quyền của bà. Bà cho rằng số tiền 600.000.000 đồng nêu trên là dùng để trả nợ gốc cho số nợ 10 tỷ đồng mà bà T đã viết giấy nợ cho anh Trương Đức Tr.

Ngày 20/7/2019, bà H yêu cầu tòa triệu tập bà Nguyễn Thị Tường V làm rõ việc bà Th, ông D và anh Tr đã nhận của bà 330.000.000 đồng và yêu cầu anh Tr trả tiền bán căn nhà số 68 đường Trần Thái T, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh vì ngôi nhà này là tài sản của bà và ông Trần Phú Q1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông là chồng bà Trần Bích T. Bà T cùng với vợ chồng ông Trần Phú Q1, bà Đỗ Thị Minh H (Trúc A) có làm ăn với nhau. Ông không biết việc bà T vay tiền anh Tr mà chỉ biết khi anh Tr kiện bà T tại tòa án vì vậy khoản vay giữa bà T và anh Tr không liên quan đến ông.

- Ông Trương Đình D trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Kim Th. Anh Trương Đức Tr là con của vợ chồng ông. Anh Tr có cho bà Trần Bích T vay 10.000.000.000 đồng, số tiền này là tài sản của anh Tr không liên quan đến vợ chồng ông.

Ngày 26/6/2018, bà Th cho bà Đỗ Thị Minh H (Đỗ Trúc A) vay 300.000.000 đồng. Ngày 30/7/2018, ông Trần Phú Q1 (chồng bà H) chuyển cho anh Tr 200.000.000 đồng nhờ anh Tr trả tiền mua khách sạn V; Ngày 31/7/2018, bà H chuyển cho anh Tr 400.000.000 đồng cũng nhờ anh Tr trả tiền mua khách sạn V nhưng việc mua bán khách sạn không thành nên các bên thống nhất 400.000.000 đồng mà bà H đã chuyển được trừ vào khoản nợ 300.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà Th vào ngày 26/6/2018. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng cộng với 200.000.000 đồng do ông Q1 chuyển vào ngày 30/7/2018 thành 300.000.000 đồng dùng để trả tiền lãi đối với khoản vay 10 tỷ đồng mà bà T nợ của anh Tr.

- Ông Trần Phú Q1 trình bày:

Bà Trần Bích T là chị ruột của ông. Bà T có vay anh Trương Đức Tr 10.000.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền ngày 11/6/2018, mục đích vay dùng để mua khách sạn V tại số 15 đường Trần Văn O, thành phố Q và mua một số tài sản khác. Hai bên thỏa thuận lãi suất 7,5%/tháng, hạn 30 ngày sau sẽ hoàn trả đủ gốc và lãi. Trên giấy mượn tiền, có chữ ký của vợ ông là bà Đỗ Trúc A (Đỗ Thị Minh H) vì vợ ông và bà T làm ăn chung nên cùng liên đới trả nợ với bà T. Từ ngày vay tiền đến nay đã trả được 11.300.000.000 đồng, cụ thể các lần trả:

- Ngày 25/6/2018, bà T trả 2.000.000.000 đồng do ông D (cha anh Tr) nhận.

- Ngày 6/9/2018, trả 3.200.000.000 đồng do ông chuyển cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 30/7/2018, trả 200.000.000 đồng do ông chuyển cho anh Tr qua Ngân hàng BIDV Bình Định.

- Ngày 31/7/2018, trả 400.000.000 đồng do bà H chuyển cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 15/10/2018, trả 6.700.000.000 đồng là viết gộp cả lần trả 3.200.000.000 đồng ngày 6/9/2018 (do bà L1 chủ khách sạn V chuyển tiền đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Kim Th là mẹ của Tr và bà Th viết giấy xác nhận cho ông).

- Ngày 24/6/2018, trả 2.000.000.000 đồng tiền mặt cho bà Th để lấy lại giấy gốc mượn tiền ngày 24/6/2018

Lý do bà T mượn tiền nhưng ông chuyển trả thay cho bà T là vì ông và bà T cùng đứng tên mua khách sạn V.

Ông thừa nhận ngày 26/6/2018, bà H có vay của bà Nguyễn Thị Kim Th 300.000.000 đồng. Ngày 30/7/2018, ông chuyển cho anh Tr 200.000.000 đồng nhờ trả tiền mua khách sạn V; ngày 31/7/2018, bà H chuyển cho anh Tr 400.000.000 đồng nhờ trả tiền mua khách sạn V nhưng việc mua bán khách sạn không thành nên các bên thống nhất 400 triệu do bà H chuyển dùng trả vào giấy nợ mà bà H đã mượn bà Th 300 triệu vào ngày 26/6/2018, còn dư 100.000.000 đồng cộng với 200.000.000 đồng do ông chuyển ngày 30/7/2018 là 300.000.000 đồng dùng trả tiền lãi cho bà T đối với khoản vay 10 tỷ đồng của anh Tr.

- Bà Trần Thị Mỹ L1 trình bày:

Bà là chủ khách sạn V có địa chỉ tại số 15 đường Trần Văn Ơ, thành phố Q. Giữa bà và ông Trần Phú Q1, bà Trần Bích T có thỏa thuận với nhau về việc mua bán khách sạn V với giá 36.500.000.000 đồng. Ngày 04/6/2018, bà đã nhận đặt cọc 6.500.000.000 đồng. Sau đó, ông Q1, bà T không thanh toán số tiền còn lại theo cam kết mà chỉ bán cho bà một tượng Phật bằng gỗ giá 500.000.000 đồng để trừ vào khoản tiền mua khách sạn nên tổng số tiền bà đã nhận là 7.000.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi tiền không được nên ngày 06/8/2018 hai bên thanh lý chấm dứt việc mua bán khách sạn. Ông Q1 có nói tiền đó là mượn của anh Trương Đức Tr nên yêu cầu bà chuyển trả cho anh Tr. Ngày 22/8/2018, bà đã chuyển cho ông Q1 300.000.000 đồng; Ngày 06/9/2018, bà chuyển 3,2 tỷ cho anh Tr; Ngày 15/10/2019, bà chuyển 3.500.000.000 đồng cho bà Th nên bà Th đã xác nhận cho cả hai lần nhận tiền là 6.700.000.000 đồng. Như vậy, bà đã chuyển 6.700.000.000 đồng cho bà Th và 300.000.000 đồng cho ông Q1.

*Bản án số 25/2020/DS-ST ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Đức Tr.

Buộc bà Trần Bích T phải trả cho anh Trương Đức Tr 1.605.152.000 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ năm triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; Nợ lãi là 305.152.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/02/2020, bị đơn bà Trần Bích T kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của anh Trương Đức Tr và buộc anh Tr phải trả lại tiền lãi mà bà đã trả vượt theo mức lãi suất 7,5%/tháng sau khi trừ đi mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phú Q1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Bích T, ông Trần Phú Q1 nhưng bản án sơ thẩm tính lãi chưa chính xác nên sửa bản án sơ thẩm về việc tính lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Trương Đức Tr và bà Trần Bích T đều thống nhất ngày 11/6/2018 anh Tr cho bà T vay 10.000.000.000 đồng (mười tỷ). Bà T đã nhận tiền và viết Giấy nợ đề ngày 11/6/2018, hạn 30 ngày sau sẽ hoàn trả đủ gốc và lãi. Hợp đồng vay không có thế chấp tài sản. Theo anh Tr, bà T mới trả được 8.700.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể:

- Ngày 25/6/2018, trả 2.000.000.000 đồng do ông Trương Đình D (cha anh Tr) nhận và đã giao lại cho anh.

- Ngày 6/9/2018, trả 3.200.000.000 đồng do bà Trần Thị Mỹ L1 chuyển trả cho anh qua Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 15/10/2018, trả 3.500.000.000 đồng do bà L1 đưa cho bà Nguyễn Thị Kim Th (mẹ anh), bà Th đã đưa lại cho anh.

Số nợ gốc còn lại 1.300.000.000 đồng, anh đã nhiều lần yêu cầu bà Thủy thanh toán nhưng bà Thủy không chịu trả.

Bà Trần Bích T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đức Tr vì bà đã trả cho anh Tr được 11.300.000.000 đồng, cụ thể các lần trả như sau:

- Ngày 25/6/2018, trả 2.000.000.000 đồng do ông Trương Đình D (cha anh Tr) nhận.

- Ngày 6/9/2018, trả 3.200.000.000 đồng do ông Trần Phú Q1 chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 30/7/2018, trả 200.000.000 đồng do ông Q1 chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng BIDV Bình Định.

- Ngày 31/7/2018, trả 400.000.000 đồng do bà Trúc A (H) chuyển trả cho anh Tr qua Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 15/10/2018, trả 6.700.000.000 đồng (viết gộp cả lần trả 3.200.000.000 đồng ngày 6/9/2018 do bà L1 chủ khách sạn V chuyển trả tiền đặc cọc cho bà Nguyễn Thị Kim Th là mẹ của Tr và bà Th viết giấy xác nhận cho ông Q1).

- Ngày 24/6/2018, trả 2.000.000.000 đồng bằng tiền mặt cho bà Th để lấy lại giấy gốc mượn tiền ngày 24/6/2018.

Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà T khai vào ngày 18/6/2018, bà đã trả 3.140.000.000 đồng nên tổng cộng bà đã trả cho anh Tr 12.440.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 25/6/2018 trả 2.000.000.000 đồng; ngày 6/9/2018 trả 3.200.000.000 đồng; ngày 30/7/2018 trả 200.000.000 đồng, ngày 31/7/2018 trả 400.000.000 đồng; ngày 15/10/2018 trả 3.500.000.000 đồng; ngày 18/6/2018 trả 3.140.000.000 đồng.

Lời khai của bà T về việc trả nợ có những lần phù hợp với lời khai của nguyên đơn nhưng cũng có những lần không được nguyên đơn thừa nhận, cụ thể:

Đối với khoản tiền 2.000.000.000 đồng theo Giấy trả tiền ngày 24/6/2018, anh Tr cho rằng đây là tiền bà T trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th (mẹ anh) theo Giấy mượn tiền ngày 24/6/2018 mà bà T vay của bà Th, không phải để trả cho số tiền vay 10.000.000.000 đồng mà bà T vay của anh vào ngày 11/6/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H là người đại diện hợp pháp của bà T thừa nhận bà T có vay của bà Th 2.000.000.000 đồng vào ngày 24/6/2018 nhưng bà T đã trả cho bà Th và lấy lại giấy nợ gốc.

Ngày 30/7/2018, ông Trần Phú Q1 (em bà T) chuyển cho anh Tr 200.000.000 đồng nhờ anh trả tiền mua khách sạn V; Ngày 31/7/2018, bà H (vợ ông Q1) chuyển cho anh 400.000.000 đồng cũng nhờ anh trả tiền mua khách sạn V. Tuy nhiên, việc mua bán khách sạn không thành nên các bên thống nhất số tiền 400 triệu đồng bà H đã chuyển cho anh Tr vào ngày 31/7/2018 được trừ vào khoản nợ 300.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà Th vào ngày 26/6/2018, số tiền còn lại 100.000.000 đồng cộng với 200 triệu đồng do ông Q1 chuyển vào ngày 30/7/2018 tổng cộng là 300.000.000 đồng dùng để trả tiền lãi đối với khoản vay 10 tỷ đồng mà bà T đã vay của anh Tr.

Lời khai của anh Tr hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Trần Đình Kh đại diện theo ủy quyền của bà T, phù hợp với lời khai của ông Trần Phú Q1 (em ruột bà T) và phù hợp với lời khai của vợ chồng ông Trương Đình D, bà Nguyễn Thị Kim Th nên không có căn cứ xác định Giấy trả tiền ngày 24/6/2018 với số tiền 2.000.000.000 đồng, Giấy chuyển tiền ngày 31/7/2018 số tiền 400.000.000 đồng và Giấy chuyển tiền ngày 30/7/2018 số tiền 200.000.000 đồng là tiền bà T trả nợ cho anh Tr đối với khoản vay 10.000.000.000 đồng.

Mặt khác, ngày 12/4/2019 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định, bà T đã khai nhận như sau: “kể từ khi viết giấy mượn tiền ngày 11/6/2018 đến nay bà T và vợ chồng Trần Phú Q1 đã trả cho mẹ con bà Th đối với khoản vay 10.000.000.000 đồng cụ thể: Ngày 25/6/2018 trả 2.000.000.000 đồng là tiền của vợ chồng bà T vay ngân hàng đưa cho ông D cha cháu Tr nhận, ngày 6/9/2018 trả 3.200.000.000 đồng do bà L1 chuyển trả cho anh Tr thông qua Ngân hàng Vietcombank, ngày 15/10/2018 trả 3.500.000.000 đồng do bà L1 đưa tiền mặt cho bà Th là mẹ của anh Tr. Tổng cộng đã trả gốc 8.700.000.000 đồng còn nợ gốc 1.300.000.000 đồng”.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định rằng bà T còn nợ của anh Tr 1.300.000.000 đồng (nợ gốc). Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho anh Tr 1.300.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Minh H (Đỗ Trúc A) là người đại diện hợp pháp của bà Trần Bích T khai rằng: Bà T, bà H và ông Q1 đã trả cho anh Trương Đức Tr tổng số tiền 21.140.000.000 đồng trong đó: trả tiền vay để mua ngôi nhà 68 Trần Thái T, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh 4,5 tỷ, số tiền còn lại 15.340.000.000 đồng trả khoản vay 10 tỷ ngày 11/6/2018 (trả nợ gốc 10 tỷ, lãi 5.340.000.000 đồng). Lời khai của bà H không được nguyên đơn công nhận, bà H cũng không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh lời khai của mình. Lời khai của bà H, ông Q1 và bà T về số tiền đã trả cho anh Tr có sự mâu thuẫn. Căn cứ theo “giấy mượn tiền” ngày 11/6/2018, bên mượn là Trần Bích T, bên cho mượn là Trương Đức Tr còn bà H (Đỗ Trúc A) có ký và ghi đồng trả nợ vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên, việc bà H ký trong “giấy mượn tiền” là thỏa thuận riêng giữa bà T và bà Huệ còn bên cho mượn là anh Tr chỉ công nhận cho bà T vay tiền; lời khai của bà T tại phiên tòa sơ thẩm cũng thừa nhận rằng bà T là người đứng tên vay và là người trực tiếp nhận tiền. Như vậy, có căn cứ để xác định rằng bà H và ông Q1 chỉ là người chuyển trả nợ giúp cho bà T, không liên quan đến khoản vay 10 tỷ giữa bà T và anh Tr vào ngày 11/6/2018.

Bà H là người đại diện hợp pháp của ông Trần Phú Q1 cho rằng đã chuyển cho anh Tr 4,5 tỷ để trả tiền vay mua ngôi nhà 68 Trần Thái T, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh nhưng đây là một khoản vay khác không phải là khoản vay 10 tỷ đồng ngày 11/6/2018 giữa bà T và anh Tr nên vợ chồng bà H, ông Q1 được quyền khởi kiện anh Tr bằng một vụ án khác.

Như đã phân tích ở trên, bà T là người có trách nhiệm trả cho anh Tr 1,3 tỷ đồng tiền gốc còn lại theo giấy mượn tiền ngày 11/6/2018 nên số tiền mà bà H và ông Q1 đã chuyển cho anh Tr 02 lần vào các ngày 30 và 31/7/2020 với tổng số tiền 600.000.000 đồng, đồng thời cho rằng số tiền này dùng để trả vào nợ gốc của khoản vay 10 tỷ đồng của bà T cho anh Tr nhưng không được anh Tr thừa nhận. Anh Tr chỉ thừa nhận trong số tiền 600.000.000 đồng nêu trên các bên đã thống nhất 300.000.000 đồng trả lãi cho khoản vay 10 tỷ của bà T cho anh, còn lại 300.000.000 đồng trừ vào khoản nợ mà bà H vay của bà Th theo Giấy mượn tiền ngày 26/6/2018 do đó bà H có quyền khởi kiện bà T để đòi lại số tiền 300.000.000 đồng mà vợ chồng bà đã thay bà T trả lãi cho anh Tr bằng một vụ án khác.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tài sản giữa anh Tr và bà T là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi là có căn cứ mặc dù Giấy mượn tiền đề ngày 11/6/2018 không ghi cụ thể mức lãi suất nhưng anh Tr và bà T đều thừa nhận việc cho vay có lãi nhưng các bên có tranh chấp về lãi suất. Anh Tr cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng còn bà T cho rằng lãi suất thỏa thuận là 7,5%/tháng tuy nhiên cả anh Tr và bà T đều không chứng minh được. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất được xác định là 10%/năm tại thời điểm trả nợ.



Việc tính lãi như sau:

- Về lãi trong hạn: Tính từ ngày 11/6/2018 đến ngày 11/7/2018 tổng cộng 30 ngày theo số dư nợ gốc là  $(10.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 14 \text{ ngày}) + (8.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/ \text{ngày} \times 16 \text{ ngày}) = 38.360.000 \text{ đồng} + 35.072.000\text{đ} = 73.432.000 \text{ đồng}$

- Về lãi quá hạn: Tính từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/02/2020 tổng cộng 581 ngày theo số dư nợ gốc là  $(8.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,0411\%/ \text{ngày} \times 56 \text{ ngày}) + (4.800.000.000 \text{ đồng} \times 0,0411\%/ \text{ngày} \times 39 \text{ ngày}) + (1.300.000.000 \text{ đồng} \times 0,0411\%/ \text{ngày} \times 486 \text{ ngày}) = 184.128.000 \text{ đồng} + 76.939.200 \text{ đồng} + 259.669.800 \text{ đồng} = 520.737.000 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi là  $73.432.000 \text{ đồng} + 520.737.000 \text{ đồng} = 594.169.000 \text{ đồng}.$

Do đã trả tiền lãi 300.000.000 đồng nên số tiền lãi còn phải trả là  $594.169.000 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng} = 294.169.000\text{đ} \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng cộng nợ gốc và lãi bà Thủy phải trả cho anh Trung là 1.594.169.000 đồng  $(1.300.000.000 \text{ đồng} + 294.169.000 \text{ đồng})$

Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi chưa chính xác nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần tính lãi.

[3] Án sơ thẩm buộc bà Đỗ Thị Minh H (Đỗ Trúc A) phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, bà H không phải chịu nên phải sửa án sơ thẩm về phần này.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 (Nghị quyết 326) bà Trần Thị Bích T phải chịu 59.825.070 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326, bà Trần Bích T, ông Trần Phú Q1 không phải chịu.

[5] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Bích T phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T; bác đơn khởi kiện của anh Trương Đức Tr và buộc anh Tr phải trả lại tiền lãi mà bà T đã trả vượt theo mức lãi suất 7,5%/tháng sau khi trừ đi mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Đề nghị của luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Bích T, ông Trần Phú Q1 nhưng bản án sơ thẩm tính lãi chưa chính xác nên sửa bản án sơ thẩm về việc tính lãi. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Buộc bà Trần Bích T phải trả cho anh Trương Đức Tr 1.594.169.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi tư triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Trần Bích T phải chịu 59.825.070 đồng.

2.2 Anh Trương Đức Tr không phải chịu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000922 ngày 23/01/2019, 6.930.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000927 ngày 23/01/2019 và 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001222 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

3.1 Bà Trần Bích T không phải chịu. Bà T được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007664 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3.2 Ông Trần Phú Q1 không phải chịu. Ông Q1 được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007678 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Tuấn Anh**

